

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan, ông Nguyễn Văn Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 713/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1984.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T1, huyện T2, thành phố Hải Phòng.

Trú tại số 41 ngõ 3 H1, khu 8 phường N1, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1980.

Trú tại số 41 ngõ 3 H1, khu 8 phường N1, thành phố H1, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phạm Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ của anh T tại số 42 ngõ 3 H1, phường N1, thành phố H1. Đến khoảng

năm 2013, vợ chồng chị thuê nhà trọ ra ở riêng. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị hạnh phúc đến cuối năm 2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không có việc làm, thường xuyên ở nhà không phụ giúp chị chăm lo cho gia đình và các con. Chị phải một mình làm thuê gánh vác kinh tế gia đình. Ngược lại, anh T thường sử dụng rượu bia đến khi say thì chửi bới, lăng mạ, xúc phạm vợ con và gia đình nhà vợ. Chị và gia đình cũng đã động viên, khuyên nhủ anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị nhẫn nhịn để giữ gìn mái ấm gia đình cho các con nhưng anh T xúc phạm chị rất thậm tệ. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 19/7/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 31/5/2017. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì các cháu là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, chị có thể đảm bảo việc chăm sóc, bảo ban các cháu. Chị có kế hoạch sau khi ly hôn với anh T sẽ chuyển hai con về quê ngoại ở Thủy Nguyên, Hải Phòng để sinh sống. Bởi gia đình chị có nhà cửa ổn định cho ba mẹ con chị ở. Đồng thời chị có thể kinh doanh cửa hàng ăn uống cùng với gia đình. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Phạm Đức T nhưng anh T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của anh về nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai cháu Phạm Bảo Châu trình bày: Từ khi cháu bé đến nay mẹ là người thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với cháu. Trước đây, bố cũng có quan tâm đến chị em cháu nhưng từ sau năm cháu học lớp 3, bố không còn quan tâm đến gia đình và thường xuyên mắng chửi mẹ con cháu. Gia đình cháu hiện ở trọ tại số 41 ngõ 3 H1, điều kiện sinh hoạt khó khăn vì là nhà thuê. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu là con gái cần được sự chỉ bảo, chia sẻ của mẹ. Cháu cũng mong muốn Tòa án cho mẹ cháu được nuôi em Phạm Bảo N để chị em cháu được ở gần nhau, không bị xa cách.

Tại biên bản xác minh Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương thể hiện: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị H và anh T, chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh nào về mâu thuẫn của vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư số 8, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn xô sát, ảnh hưởng tới các hộ dân xung quanh. Anh T có sử

dụng rượu bia nhiều khi không kiểm soát được lời nói, hành vi. Hiện anh T sức khỏe yếu, công việc không ổn định, không có thu nhập còn chị H có công việc, thu nhập lại là phụ nữ nên việc nuôi hai con gái là phù hợp.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là anh Phạm Văn Đức trình bày: Anh là anh trai của anh T. Quá trình vợ chồng chị H, anh T chung sống có xảy ra xô sát, cãi vã nguyên nhân từ cả hai phía. Anh T làm công việc tự do, thu nhập bấp bênh, có sử dụng rượu bia. Chị H tính tình nóng nảy, xử sự không khéo léo. Nay chị H xin ly hôn anh T, quan điểm của gia đình tùy theo nguyện vọng của vợ chồng. Về việc nuôi con khi ly hôn phải đảm bảo tốt nhất cho hai cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn anh Phạm Đức T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 19/7/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 31/5/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Đức T, hiện bị đơn đang cư trú tại phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Phạm Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T làm công việc tự do, thu nhập không ổn định lại sử dụng rượu bia dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xô sát ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau nên chị H xin ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến, nguyện vọng xin hòa giải đoàn tụ với chị H. Xét thấy, mục đích của cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho chị H ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 19/7/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 31/5/2017. Hai con chung của anh chị là con gái đặc biệt cần sự nuôi dưỡng, dạy dỗ, chỉ bảo, chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, chị H có thu nhập và điều kiện nuôi dưỡng các con tốt hơn anh T. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho các con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị H xác định giữa anh chị không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Phạm Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 19/7/2011 và Phạm Bảo N, sinh ngày 31/5/2017 cho đến khi các con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho các con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000638 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Dương sự;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND phường Ngọc Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Linh

